

PHẦN II - ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2025
MỤC 1
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

- Mã trường: MHN
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://hou.edu.vn>
- Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh: <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

1. Tuyển sinh đại học chính quy:

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

a) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

b) Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định từng ngành, chương trình đào tạo, phương thức xét tuyển;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy định;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội (Trường) tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

Năm 2025, Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển các phương thức sau:

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Phương thức xét tuyển						
		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT -Mã 100	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) -Mã 200	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) -Mã 301	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển -Mã 402	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 405	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 406	Sử dụng phương thức khác-Mã 500 (đối với xét tuyển dự bị đại học)
1	Nhóm ngành: Mỹ thuật ứng dụng							
1.1	Ngành Thiết kế đồ họa			X		X	X	
1.2	Ngành Thiết kế thời trang			X		X	X	

1

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Phương thức xét tuyển						
		Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT -Mã 100	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) -Mã 200	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) -Mã 301	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển -Mã 402	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 405	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 406	Sử dụng phương thức khác-Mã 500 (đối với xét tuyển dự bị đại học)
2	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	x		x	x			x
2.2	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	x		x				x
3	Nhóm ngành: Kinh doanh							
3.1	Ngành Quản trị kinh doanh	x			x			x
3.2	Ngành Thương mại điện tử	x			x			x
4	Nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm							
4.1	Ngành Tài chính - Ngân hàng	x			x			x
4.2	Ngành Bảo hiểm	x						x
5	Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán							
5.1	Ngành Kế toán	x						x
6	Nhóm ngành: Luật							
6.1	Ngành Luật	x						x
6.2	Ngành Luật quốc tế	x						x
6.3	Ngành Luật kinh tế	x			x			x
7	Nhóm ngành: Sinh học ứng dụng							
7.1	Ngành Công nghệ sinh học	x	x	x	x			x
8	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin							
8.1	Ngành Công nghệ thông tin	x		x	x			x
9	Nhóm ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông							
9.1	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	x			x			x
9.2	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	x			x			x
10	Nhóm ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống							
10.1	Ngành Công nghệ thực phẩm	x	x	x	x			x
11	Nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch							
11.1	Ngành Kiến trúc					x	x	
11.2	Ngành Thiết kế nội thất			x		x	x	
12	Nhóm ngành: Du lịch							
12.1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	x						x
13	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng							
13.1	Ngành Quản trị khách sạn	x						x

Ghi chú: Ô tích dấu "x" là có áp dụng phương thức xét tuyển.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường đăng ký là **4.140**. Cụ thể:

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
				Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1 Nhóm ngành: Mỹ thuật ứng dụng											
1.1	Ngành Thiết kế đồ họa	301, 405	130	H00	Hình họa, Ngữ văn	H01	Hình họa, Ngữ văn	H06	Hình họa, Ngữ văn		
		406	30	H00		H01		H06			
1.2	Ngành Thiết kế thời trang	301, 405	40	H00		H01		H06			
		406	10	H00		H01		H06			
2 Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài											
2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	100, 301, 500	250	D01	Tiếng Anh						
		402	50	Q00							
2.2	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	100, 301, 500	280	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung				
3 Nhóm ngành: Kinh doanh											
3.1	Ngành Quản trị kinh doanh	100, 500	240	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
		402	50	Q00		K00					
3.2	Ngành Thương mại điện tử	100, 500	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
		402	20	Q00		K00					
4 Nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm											
4.1	Ngành Tài chính - Ngân hàng	100, 500	340	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán		
		402	50	Q00		K00					
4.2	Ngành Bảo hiểm	100, 500	50	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán		
5 Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán											
5.1	Ngành Kế toán	100, 500	260	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
6 Nhóm ngành: Luật											
6.1	Ngành Luật	100, 500	220	D01	Toán, Ngữ văn	C01	Toán, Ngữ văn	C03	Toán, Ngữ văn	C14	Toán, Ngữ văn
6.2	Ngành Luật kinh tế	100, 500	180	D01	Toán, Ngữ văn	C01	Toán, Ngữ văn	C03	Toán, Ngữ văn	C14	Toán, Ngữ văn
	Ngành Luật kinh tế	402	40	Q00		K00					
6.3	Ngành Luật quốc tế	100, 500	100	D01	Toán, Ngữ văn	C01	Toán, Ngữ văn	C03	Toán, Ngữ văn	C14	Toán, Ngữ văn
7 Nhóm ngành: Sinh học ứng dụng											
7.1	Ngành Công nghệ sinh học	100, 301, 500	80	B00	Toán	A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán
		200	10	B00	Toán	A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán
		402	10	Q00		K00					

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
				Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
8	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin										
8.1	Ngành Công nghệ thông tin	100, 301, 500	360	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
		402	50	Q00		K00					
9	Nhóm ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông										
9.1	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	100, 500	200	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
		402	50	Q00		K00					
9.2	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	100, 500	200	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	K01	Toán
		402	40	Q00		K00					
10	Nhóm ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống										
10.1	Ngành Công nghệ thực phẩm	100, 301, 500	105	B00	Toán	A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán
		200	15	B00	Toán	A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán
		402	10	Q00		K00					
11	Nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch										
11.1	Ngành Kiến trúc	405	60	V00	Vẽ mỹ thuật, Toán	V01	Hình họa, Toán	V02	Hình họa, Toán		
		406	10	V00		V01		V02			
11.2	Ngành Thiết kế nội thất	301, 405	80	H00	Hình họa, Ngữ văn	H01	Hình họa, Ngữ văn	H06	Hình họa, Ngữ văn		
		406	20	H00		H01		H06			
12	Nhóm ngành: Du lịch										
12.1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100, 500	200	D01	Tiếng Anh, Toán	D09	Tiếng Anh, Toán	D10	Tiếng Anh, Toán		
13	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng										
13.1	Ngành Quản trị khách sạn	100, 500	200	D01	Tiếng Anh, Toán	D09	Tiếng Anh, Toán	D10	Tiếng Anh, Toán		

Trong đó mã xét tuyển được quy định như sau:

- 100: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- 200: Sử dụng kết quả học tập cấp THPT;
- 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển);
- 402: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy năm 2025 do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (Q00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, K00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức);
- 405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với điểm thi năng khiếu để xét tuyển;
- 406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển;
- 500: Sử dụng phương thức khác (xét tuyển dự bị đại học).

1.5. Ngưỡng đầu vào:

- Đối với phương thức xét tuyển mã 100, 405: Thí sinh đủ điều kiện đăng ký xét tuyển khi có tổng điểm 3 môn thi (tính hệ số 1) trong tổ hợp xét tuyển THXT (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) không thấp hơn Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố sau khi thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025;

- Đối với phương thức xét tuyển mã 200, 406: Thí sinh có tổng điểm các môn trong THXT và điểm ưu tiên đạt từ 17,0 điểm trở lên, đồng thời không có môn văn hóa nào điểm tổng kết dưới 5; đối với điểm môn năng khiếu không môn nào có kết quả từ 1,0 trở xuống đủ điều kiện xét tuyển. Điểm môn văn hóa là điểm cả năm lớp 12;

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (mã 402): Thí sinh có tổng điểm từ 75/150 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) đủ điều kiện nộp hồ sơ; không có phần nào trong 3 phần của bài thi HSA (Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học) có điểm $\leq 5,0$ điểm;

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (mã 402): Thí sinh có tổng điểm từ 50/100 điểm trở lên (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng) đủ điều kiện nộp hồ sơ; không có điểm từng phần thi trong bài thi TSA dưới mức quy định (Tư duy Toán học ≤ 4 điểm, Tư duy Đọc hiểu ≤ 2 điểm, Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề ≤ 4 điểm);

- Đối với phương thức xét tuyển mã 500 (xét tuyển dự bị đại học): Thí sinh đã hoàn thành dự bị đại học, có tổng điểm tổng kết các môn văn hóa trong THXT và điểm ưu tiên đạt từ 17,0 điểm trở lên, đồng thời không có môn nào điểm tổng kết dưới 5.

1.6. Các thông tin cần thiết khác:

1.6.1 Thông tin về ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển, thang điểm xét tuyển:

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Thang điểm
1	Nhóm ngành: Mỹ thuật ứng dụng					
1.1	Ngành Thiết kế đồ họa	7210403	Cử nhân/ Kỹ sư	HÌNH HỌA, NGỮ VĂN , Bó cục màu; HÌNH HỌA, NGỮ VĂN , Toán;	H00 H01 H06	Quy đổi về thang 30
1.2	Ngành Thiết kế thời trang	7210404				
2	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài					
2.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	Cử nhân	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn; Sử dụng kết quả bài thi HSA.	D01 Q00	Quy đổi về thang 30
2.2	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Cử nhân	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn; TIẾNG TRUNG , Toán, Ngữ văn.	D01 D04	40
3	Nhóm ngành: Kinh doanh					
3.1	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	Cử nhân	TOÁN , Vật lý, Hóa học; TOÁN , Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN , Ngữ văn, Tiếng Anh; TOÁN , Tiếng Anh, Tin học; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	A00 A01 D01 K01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
3.2	Ngành Thương mại điện tử	7340122				

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Thang điểm
4	Nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm					
4.1	Ngành Tài chính - Ngân hàng	7340201	Cử nhân	TOÁN, Vật lý, Hóa học; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	A00 A01 D01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
4.2	Ngành Bảo hiểm	7340204	Cử nhân	TOÁN, Vật lý, Hóa học; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 D01	Quy đổi về thang 30
5	Nhóm ngành: Kế toán - kiểm toán					
5.1	Ngành Kế toán	7340301	Cử nhân	TOÁN, Vật lý, Hóa học; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh; TOÁN, Tiếng Anh, Tin học.	A00 A01 D01 K01	Quy đổi về thang 30
6	Nhóm ngành: Luật					
6.1	Ngành Luật	7380101	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Vật lý; Toán, Ngữ văn, Lịch sử;	D01 C01 C03	30
6.2	Ngành Luật quốc tế	7380108	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật.	C14	
6.3	Ngành Luật kinh tế	7380107	Cử nhân	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Vật lý; Toán, Ngữ văn, Lịch sử; Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	D01 C01 C03 C14 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
7	Nhóm ngành: Sinh học ứng dụng					
7.1	Ngành Công nghệ sinh học (Đào tạo 5 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Nông nghiệp, Mỹ phẩm)	7420201	Cử nhân/ Kỹ sư	TOÁN, Hóa học, Sinh học; TOÁN, Hóa học, Vật lý; TOÁN, Hóa học, Tiếng Anh; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	B00 A00 D07 A01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
8	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin					
8.1	Ngành Công nghệ thông tin (Đào tạo 4 chuyên ngành: CN phần mềm, Hệ thống thông tin, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống)	7480201	Cử nhân/ Kỹ sư	TOÁN, Vật lý, Hóa học; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh; TOÁN, Tiếng Anh, Tin học; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	A00 A01 D01 K01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
9	Nhóm ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông					
9.1	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Cử nhân/ Kỹ sư	TOÁN, Vật lý, Hóa học; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; TOÁN, Ngữ văn, Tiếng Anh; TOÁN, Tiếng Anh, Tin học; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	A00 A01 D01 K01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
9.2	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303				

TT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT	Thang điểm
10	Nhóm ngành: Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống					
10.1	Ngành Công nghệ thực phẩm	7540101	Cử nhân/ Kỹ sư	TOÁN, Hóa học, Sinh học; TOÁN, Hóa học, Vật lý; TOÁN, Hóa học, Tiếng Anh; TOÁN, Vật lý, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi TSA.	B00 A00 D07 A01 Q00 K00	Quy đổi về thang 30
11	Nhóm ngành: Kiến trúc và quy hoạch					
11.1	Ngành Kiến trúc	7580101	Kiến trúc sư	VẼ MỸ THUẬT, TOÁN, Vật lý; HÌNH HỌA, TOÁN, Ngữ văn; HÌNH HỌA, TOÁN, Tiếng Anh.	V00 V01 V02	Quy đổi về thang 30
11.2	Ngành Thiết kế nội thất	7580108	Cử nhân/ Kỹ sư	HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Bó cục màu; HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Toán; HÌNH HỌA, NGỮ VĂN, Tiếng Anh.	H00 H01 H06	Quy đổi về thang 30
12	Nhóm ngành: Du lịch					
12.1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Cử nhân	TIẾNG ANH, TOÁN, Ngữ văn; TIẾNG ANH, TOÁN, Lịch sử; TIẾNG ANH, TOÁN, Địa lí.	D01 D09 D10	Quy đổi về thang 30
13	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng					
13.1	Ngành Quản trị khách sạn	7810201	Cử nhân	TIẾNG ANH, TOÁN, Ngữ văn; TIẾNG ANH, TOÁN, Lịch sử; TIẾNG ANH, TOÁN, Địa lí.	D01 D09 D10	Quy đổi về thang 30

Ghi chú:

- Các môn viết chữ HOA, in ĐẬM được tính hệ số 2;
- Đối với bài thi HSA (tổ hợp Q00) gồm các bài thi: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học;
- Đối với bài thi TSA (tổ hợp K00) gồm các bài thi: Tư duy Toán học, Tư duy đọc hiểu, Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề.

1.6.2. Ngôn ngữ đào tạo chính: Ngôn ngữ đào tạo chính của các chương trình đào tạo là Tiếng Việt.

1.6.3. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển tổng điểm các môn làm tròn đến hai chữ số thập phân trong THXT (gồm cả điểm ưu tiên) theo từng ngành/chuyên ngành, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu;

- Nguyên tắc tính **Tổng điểm xét tuyển** như sau:

+ Các ngành/chuyên ngành gồm 3 môn tính hệ số 1:

Tổng điểm xét tuyển (thang điểm 30) = (Môn 1) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm ƯT (nếu có)]

+ Các ngành/chuyên ngành có 1 môn tính hệ số 2:

Tổng điểm xét tuyển (thang điểm 40) = (Môn 1 x 2) + (Môn 2) + (Môn 3) + [Điểm ƯT (nếu có) x 4/3]

Tổng điểm xét tuyển (quy đổi về thang điểm 30) = **Tổng điểm xét tuyển** (thang điểm 40) x 3/4

+ Các ngành/chuyên ngành có 2 môn tính hệ số 2:

Handwritten signature and number 7

Tổng điểm xét tuyển = (Môn 1 x 2) + (Môn 2 x 2) + (Môn 3) + [Điểm UT (nếu có) x 5/3]

Tổng điểm xét tuyển (quy đổi về thang điểm 30) = **Tổng điểm xét tuyển** (thang điểm 50) x 3/5

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (mã 402): **Tổng điểm xét tuyển** = Tổng điểm bài thi HSA *30/150 + [Điểm ưu tiên (nếu có)]

- Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (mã 402): **Tổng điểm xét tuyển** = Tổng điểm bài thi TSA *30/100 + [Điểm ưu tiên (nếu có)]

- Trường áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng chính sách. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên. Đối với thang điểm khác thang 30, điểm ưu tiên được tính quy đổi tương đương;

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

- Trường xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng;

- Tiêu chí phụ: Ngoài các tiêu chí cứng theo quy định của Bộ GDĐT, Trường sử dụng thêm tiêu chí phụ sau: nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, Trường chọn thí sinh có điểm môn thi thứ nhất cao hơn (thứ tự môn thi tính theo thứ tự các môn trong THXT quy định tại mục 1.6.1); riêng THXT Q00 tiêu chí phụ được xác định với bài thi Tư duy định lượng, với THXT K00 tiêu chí phụ được xác định với bài thi Tư duy Toán học;

- Kết thúc xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu, Trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ sung theo quy định của Bộ GDĐT;

- Trường Đại học Mở Hà Nội không quy định độ lệch điểm chuẩn giữa các THXT trong cùng một ngành/chuyên ngành, nếu có thay đổi Trường sẽ điều chỉnh công bố trước khi xét tuyển trong thời gian quy định của quy chế;

- Trường Đại học Mở Hà Nội không sử dụng kết quả miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tuyển sinh; Trường thực hiện quy đổi điểm Ngoại ngữ cho các thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như sau:

Chứng chỉ ngoại ngữ	Điểm ngoại ngữ quy đổi sang thang điểm 10		
	9,0	9,5	10,0
Tiếng Anh			
IELTS	5.5	6.0	Từ 6.5
TOEFL iBT	65-70	71-78	Từ 79
TOEFL ITP	500-549	550-599	Từ 600
Tiếng Trung Quốc	HSK3	HSK4	Từ HSK5

Thí sinh có chứng chỉ (đang trong thời hạn có giá trị tính đến ngày **14/8/2025**) trong bảng trên và muốn sử dụng để thay thế cho môn ngoại ngữ trong THXT khi tham gia xét tuyển vào Trường thì thực hiện như sau:

+ Nộp chứng chỉ (bản sao có chứng thực hợp lệ) từ ngày **01/04/2025** đến trước **17h00** ngày **24/07/2025**. Thí sinh cần ghi rõ số báo danh dự thi tốt nghiệp THPT 2025 (nếu có) ở phía trên góc phải của chứng chỉ và đơn đăng ký sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thay thế môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển (đơn theo mẫu của Trường, thí sinh tải tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>);

+ Khi nhập học thí sinh phải nộp bản gốc chứng chỉ để Trường kiểm tra, thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu chứng chỉ không hợp lệ;

+ Mức quy đổi điểm này chỉ có giá trị khi tham gia xét tuyển ở Trường Đại học Mở Hà Nội.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển tất cả các phương thức (mã 100, 200, 301, 402, 405, 406 và 500) theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT (kế hoạch chi tiết được thể hiện trong Thông báo tuyển sinh sau khi có kế hoạch của Bộ GDĐT);

- Thời gian đăng ký, hồ sơ xét tuyển của các phương thức như sau:

a) Đối với xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã 100) và xét tuyển kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với điểm thi năng khiếu vẽ (Mã 405):

- Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

b) Đối với xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển (Mã 301):

- Thí sinh đăng ký xét tuyển nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội theo lịch của Bộ GDĐT (hồ sơ tải tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>);

- Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của Bộ GDĐT;

- Sau khi Trường công bố kết quả trúng tuyển, thí sinh phải xác nhận nhập học theo lịch của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Đối với xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ - Mã 200) và xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ) với điểm thi năng khiếu vẽ (Mã 406):

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025:

+ Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

+ Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT;

+ Thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển có thể đăng ký để được Trường tư vấn tại địa chỉ: <https://tuyensinh.hou.edu.vn/tuvan>.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 trở về trước:

+ Thí sinh tham gia xét tuyển đăng ký và tải hồ sơ trên hệ thống của Trường tại địa chỉ <https://xettuyen.hou.edu.vn/dashboard>; thời hạn nhận hồ sơ từ ngày

02/05/2025 dự kiến đến trước **17h00** ngày **24/07/2025**. Thời hạn điều chỉnh (nếu có) Trường sẽ thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.hou.edu.vn>;

+ Thí sinh chưa đăng ký mở tài khoản để truy cập hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản (theo đúng lịch của Bộ GDĐT) để truy cập vào hệ thống tuyển sinh (Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

+ Sau khi đăng ký, nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội và được cấp tài khoản truy cập hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT, thí sinh tiếp tục thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

+ Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

d) Đối với xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (do ĐH Quốc gia HN, ĐH Bách khoa HN tổ chức - Mã 402):

- Thí sinh xét tuyển bằng phương thức mã 402 phải tham dự bài thi HSA hoặc TSA năm 2025, thời gian thi theo lịch của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội công bố và quy định để lấy kết quả xét tuyển;

- Sau khi có kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy, thí sinh tham gia xét tuyển phải đăng ký và tải hồ sơ trên hệ thống của Trường Đại học Mở Hà Nội tại địa chỉ <https://xettuyen.hou.edu.vn/dashboard>; thời hạn nhận hồ sơ từ ngày **02/05/2025** dự kiến đến trước **17h00** ngày **24/07/2025**. Thời hạn điều chỉnh (nếu có) Trường sẽ thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.hou.edu.vn>;

- Sau khi đăng ký, nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội, thí sinh tiếp tục thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

+ Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

e) Đối với xét tuyển dự bị đại học (Mã 500):

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển về Trường Đại học Mở Hà Nội theo thông báo chi tiết tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>; thời hạn nhận hồ sơ xét tuyển từ ngày **02/05/2025** dự kiến đến trước **17h00** ngày **24/07/2025**. Thời hạn điều chỉnh (nếu có) Trường sẽ thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh <http://tuyensinh.hou.edu.vn>;

- Thí sinh chưa đăng ký mở tài khoản để truy cập hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản (theo đúng lịch của Bộ GDĐT) để truy cập vào hệ thống tuyển sinh (Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia);

+ Sau khi đăng ký, nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội và được cấp tài khoản truy cập hệ thống tuyển sinh, thí sinh tiếp tục thực hiện đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

+ Tổ chức xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

f) Đối với thí sinh dự thi môn năng khiếu vẽ:

- Các ngành có thi môn năng khiếu vẽ gồm: Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa và Kiến trúc. Các môn năng khiếu vẽ tính hệ số 2 gồm: Hình họa, Vẽ Mỹ thuật và Bố cục màu; Các môn năng khiếu được công nhận tương đương: Trang trí

màu tương đương Bó cục màu (vẽ bằng màu); Hình họa tương đương Vẽ mỹ thuật (vẽ bằng chì đen);

- Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh phải tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức (**Nội dung được thể hiện trong Đề án tổ chức thi môn năng khiếu, Trường chỉ tổ chức thi môn Hình họa và môn Bó cục màu**); thí sinh cần xem kỹ thủ tục đăng ký dự thi và ngày thi chính thức tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>. Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển. Kết quả thi năng khiếu vẽ được Trường tải lên hệ thống tuyển sinh của Bộ GDĐT;

- Nếu không kịp tham dự kỳ thi năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức, thí sinh có thể dự thi tại các trường đại học khác trên cả nước, sau đó nộp kết quả điểm năng khiếu để tham gia xét tuyển, thời hạn nộp phiếu điểm năng khiếu thi tại trường đại học khác về Trường Đại học Mở Hà Nội trước **17h00 ngày 24/07/2025**.

g) Thời gian xác nhận nhập học:

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xác nhận nhập học theo lịch chung quy định của Bộ GDĐT (kế hoạch chi tiết được thể trong Thông báo điểm trúng tuyển).

1.8. Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

- Trường dành tối đa 5% chỉ tiêu cho xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển;
- Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Trường có thông báo hướng dẫn riêng, thí sinh xem chi tiết trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường (Đề án tổ chức thi năng khiếu vẽ) tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện; chi tiết tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2025.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Đợt 1, Trường thực hiện theo kế hoạch của Bộ GDĐT;
- Sau khi xét tuyển đợt 1, nếu chưa đủ chỉ tiêu Trường sẽ xét tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thông báo về xét tuyển bổ sung sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.12. Giải quyết khiếu nại, rủi ro trong công tác tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của quy chế tuyển sinh Trường.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước: không có

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2024 của Trường: 674 tỷ đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 SV CQ/năm của năm 2024: 19,5 triệu đồng/SV.

1.15. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Trung tâm Truyền thông và Tuyển sinh

Hotline: 024.6297.4545; 024.6297.4646

Email: ttts@hou.edu.vn

Tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường (<http://tuyensinh.hou.edu.vn>) có bộ phận tư vấn, hỗ trợ và giải đáp mọi thắc mắc của thí sinh.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên:

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

a) Công dân Việt Nam có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành; không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đối với thí sinh (đã tốt nghiệp đại học trở lên) đăng ký dự tuyển học liên thông đại học (văn bằng 2) cần có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

+ Đối với thí sinh (đã tốt nghiệp cao đẳng) đăng ký dự tuyển học liên thông lên đại học (liên thông CĐ lên ĐH) cần có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề;

+ Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận của Cục Quản lý Chất lượng Bộ GDĐT hoặc các cơ quan đủ thẩm quyền khác.

b) Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định của Trường. Thông báo tuyển sinh, mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh trên toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển căn cứ kết quả học tập toàn khóa học và điểm ưu tiên để xét tuyển;

- Mã phương thức xét tuyển: 500;

- Tên phương thức xét tuyển: Xét tuyển đào tạo văn bằng 2 chính quy, liên thông chính quy.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Trường đăng ký 480 chỉ tiêu. Cụ thể:

STT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Số văn bản cho phép	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo	Chỉ tiêu Liên thông	Chỉ tiêu VB2
1	Nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài							
1.1	Ngành Ngôn ngữ Anh	7220201	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993		85
1.2	Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	2995/QĐ-BGDĐT	15/06/2006	Bộ GDĐT	2006	20	25
2	Nhóm ngành: Kinh doanh							
2.1	Ngành Quản trị kinh doanh	7340101	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	15	

STT	Ngành/Nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Số văn bản cho phép	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo	Chỉ tiêu Liên thông	Chỉ tiêu VB2
3	Nhóm ngành: Kế toán - Kiểm toán							
3.1	Ngành Kế toán	7340301	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	20	
4	Nhóm ngành: Luật							
4.1	Ngành Luật	7380101	6101/KHTC	06/09/1994	Bộ GDĐT	1994	10	50
4.2	Ngành Luật kinh tế	7380107	1062/QĐ-BGDĐT	20/02/2009	Bộ GDĐT	2009	20	30
5	Nhóm ngành: Công nghệ thông tin							
5.1	Ngành Công nghệ thông tin	7480201	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ GDĐT	1993	20	50
6	Nhóm ngành: Du lịch							
6.1	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	399/QĐ-ĐHM	03/03/2018	Viện ĐH Mở HN	2018	10	25
7	Nhóm ngành: Khách sạn, nhà hàng							
7.1	Ngành Quản trị khách sạn	7810201	1070/QĐ-ĐHM	19/02/2021	Trường ĐH Mở HN	2021	20	80
Tổng số							135	345

2.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa học đủ điều kiện tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên tham gia đăng ký xét tuyển.

2.6. Tổ chức tuyển sinh:

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) và điểm ưu tiên của thí sinh để xét tuyển, sắp xếp từ cao xuống thấp. Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự như sau:

- + Người có điểm trung bình toàn khóa học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn;
- + Người có điểm trung bình kết quả học tập các môn ngoại ngữ cao hơn;
- + Người đã tốt nghiệp cao đẳng/đại học ngành gần với ngành dự tuyển hơn.

2.7. Chính sách ưu tiên:

- Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT;

- Điểm ưu tiên được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT và của Trường. Trong đó khu vực ưu tiên của thí sinh được tính theo địa phương thí sinh tốt nghiệp.

2.8. Lệ phí:

- Lệ phí xét tuyển: 100.000 đ/hồ sơ;
- Lệ phí xét công nhận tín chỉ: 100.000 đ/học phần.

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên:

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện; Chi tiết tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2025.

2.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Trường thu hồ sơ và xét tuyển 4 đợt/năm;
- Trường thông báo tuyển sinh trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa

chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.11. Giải quyết khiếu nại, rủi ro trong công tác tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và của Trường.

2.12. Thời gian đào tạo:

- Đối với các trường hợp không được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (xét miễn môn) thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa;
- Đối với các trường hợp được xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ (Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Trường căn cứ kết quả học tập đã tích lũy tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng, tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng trường hợp), thời gian để hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được công nhận tích lũy, nhưng không ít hơn 50% thời gian thiết kế chuẩn của chương trình đào tạo.

3. Học cùng lúc hai chương trình (song bằng):

3.1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh:

3.1.1. Phương thức tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

3.1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ vào số thí sinh đăng ký xét tuyển.

3.1.3. Phạm vi tuyển sinh:

Sinh viên đại học chính quy đang theo học trong Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.1.4. Thời gian tuyển sinh:

Đầu mỗi học kỳ trong năm học.

3.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

Các sinh viên đại học chính quy đang theo học tại Trường Đại học Mở Hà Nội thỏa mãn các điều kiện sau thì được theo học song bằng:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất và sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ học phí;

b) Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo, sinh viên bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

3.3. Các thông tin khác:

- Thời gian tối đa đối với sinh viên học song bằng là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất;

- Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ nhất. Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể;

- Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

3.4. Địa điểm nhận đơn đăng ký học song bằng và địa điểm đào tạo:

- Sinh viên có thể nhận mẫu đơn đăng ký và nộp đơn học song bằng tại văn phòng Khoa/Viện nơi sinh viên đang học;

- Địa điểm đào tạo các lớp song bằng cấp bằng đại học chính quy: Tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.5. Học phí:

Học phí: Chi tiết xem tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2025.

Cán bộ kê khai

Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2025



PGS.TS Nguyễn Thị Nhung